

Thốt Nốt, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Số: 09/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023)

Bị đơn:

1. Bà **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Bùi Thanh N1**, sinh năm: 1965.

3. Bà **Bùi Thị Ngọc T1**, sinh năm: 1967.

4. Bà **Bùi Thị Ngọc Á**, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

5. Bà **Bùi Thị Ngọc L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Bùi Thị Ngọc Đ**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Khu V T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

7. Bà **Bùi Thị Ngọc Đ1**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

8. Bà **Bùi Thị Ngọc H1**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: A đường H, Phường H, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà **Bùi Thị Ngọc O**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đường T, Khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Phương T2**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Khu V T, phường T, quận T, TP .. (Văn bản ủy quyền ngày 26.12.2023, ngày 28.12.2023 và ngày 02.01.2024)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP ..

3. Bà **Trần Thị T3**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. Bà **Trần Thị T4**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

5. Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1970.

6. Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

7. Ông **Trần Hữu N2**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP ..

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn T5, bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn T6, bà Nguyễn Thị C1 thông qua “Tờ sang nhượng đất” được ký ngày 26/04/1995. Theo đó:

[2.2] Công nhận cho các thừa kế ông Trần Văn T6, bà Nguyễn Thị C1 là bà Trần Thị B, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị P, ông Trần Hữu N2 và ông Trần Thanh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 283,8m² bao gồm phần ký hiệu A và phần không ký hiệu thuộc thửa đất số 249¹. Hiện phần đất do ông Trần Thanh N quản lý, sử dụng.

Công nhận cho thừa kế của ông Trần Văn T6, bà Nguyễn Thị C1 là ông Trần Thanh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là

51,6m² bao gồm phần ký hiệu C, phần không ký hiệu và ký hiệu D, thuộc thửa đất số 249². Hiện phần đất do ông Trần Văn C quản lý nên buộc ông C có trách nhiệm giao trả phần đất trên cho ông Trần Thanh N quản lý, sử dụng.

Buộc ông Trần Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị P, ông Trần Hữu N2 có trách nhiệm giao phần đất qua đo đạc thực tế là 20m² (trong đó có 11,2m² trong HLLG) phần ký hiệu B cho các đồng thừa kế của ông Bùi Văn T5, bà Nguyễn Thị K là bà Bùi Thị Ngọc H, ông Bùi Thanh N1, bà Bùi Thị Ngọc T1, bà Bùi Thị Ngọc L, bà Bùi Thị Ngọc Á, bà Bùi Thị Ngọc Đ, bà Bùi Thị Ngọc Đ1, bà Bùi Thị Ngọc H1 và bà Bùi Thị Ngọc O quản lý, sử dụng.

Các phần đất nêu trên thuộc thửa đất 249, tờ bản đồ 01, loại đất LUC, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp sổ vào sổ 00052 ngày 23.05.2002 cho ông Bùi Văn T5 đại diện hộ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T (cũ) nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 1516/TTKTTNMT ngày 29.12.2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thực hiện. (Đính kèm)

Đối với việc thanh toán giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và phần diện tích đất chuyển nhượng chênh lệch thiếu do Nhà nước thu hồi các đương sự đã tự thỏa thuận thanh toán xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục điều chỉnh lại diện tích thửa 249 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh N và bà Trần Thị B, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị P, ông Trần Hữu N2 đối với diện tích đất được quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự phải chịu theo quy định.

[2.3] Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn C về hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất. Trường hợp ông C có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Thanh N tự nguyện chịu số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Công nhận ông N đã nộp xong.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Thanh N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí thay cho bị đơn nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0003853 ngày 17.4.2023 được chuyển thành án phí. Ông N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C là người cao tuổi thuộc trường hợp điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 được miễn tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- THA quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu